

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 535/BC-UBND ngày 09/10/2026 của UBND xã Sơn Tịnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN		SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
			QUÝ III	LŨY KẾ 9 THÁNG	DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	56.045	10.294	28.643	51,11	66,00
I	Thu nội địa	56.045	10.294	28.643	51,11	66,00
II	Thu viện trợ; thu huy động, đóng góp		0	0		-
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	205.072	175.687	264.849	129,15	161,28
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	30.231	9.167	25.783	85,29	241,39
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	9.435	3.914	13.128	139,14	2.655,76
2	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	20.796	5.253	12.656	60,86	124,23
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	174.841	165.276	218.087	124,73	141,20
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	105.371	26.340	79.020	74,99	451,93
2	Thu bổ sung có mục tiêu	69.470	138.936	139.067	200,18	106,84
III	Thu kết dư		1.244	1.244		
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			19.733		335,13
C	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	205.072	76.960	191.327	93,30	116,51
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	135.602	32.903	81.547	60,14	122,45
1	Chi đầu tư phát triển	8.350	3.846	8.417	100,81	144,69
2	Chi thường xuyên	124.540	28.435	72.380	58,12	119,09
3	Chi viện trợ					
4	Dự phòng NSNN	2.712	621	749	27,62	-
5	Các nhiệm vụ chi khác	0	0	0	-	-
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	69.470	44.057	109.780	158,03	112,45
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 535/BC-UBND ngày 09/10/2026 của UBND xã Sơn Tịnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN		SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
			QUÝ III	LŨY KẾ 9 THÁNG	DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	56.045	10.294	28.643	51,1	66,0
I	Thu nội địa	56.045	10.294	28.643	51,1	66,0
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		14	78		169,9
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	12.900	2.077	7.458	57,8	161,9
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.500	482	1.793	71,7	81,3
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí	9.000	954	4.188	46,5	176,0
	Trong đó lệ phí trước bạ	6.900	704	3.577	51,8	201,1
7	Các khoản thu về nhà, đất	31.115	6.674	14.774	47,5	326,6
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	35	9	40	114,2	317,9
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	80	19	67	83,7	60,5
-	Thu tiền sử dụng đất	31.000	6.645	14.667	47,3	333,3
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu NN					
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện					
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	300	11	11	3,6	8,9
12	Thu khác ngân sách	230	82	340	147,8	63,4
II	Thu viện trợ					
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	30.231	9.167	25.783	85,3	241,4
1	Từ các khoản thu phân chia	20.796	5.253	12.656	60,9	124,2
2	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	9.435	3.914	13.128	139,1	2.655,8

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 535/BC-UBND ngày 09/10/2026 của UBND xã Sơn Tịnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN		SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
			QUÝ III	LŨY KẾ 9 THÁNG	DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSDP	205.072	76.960	191.327	93,3	116,5
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	135.602	32.903	81.547	60,1	122,4
I	Chi đầu tư phát triển	8.350	3.846	8.417	100,8	144,7
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	8.350	3.846	8.417	100,8	144,7
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi thường xuyên	124.540	28.435	72.380	58,1	119,1
	Trong đó:					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	81.703	20.437	56.454	69,1	105,5
2	Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
III	Chi viện trợ					
IV	Dự phòng ngân sách	2.712	621	749	27,6	
V	Chi cải cách tiền lương, tính giảm biên chế					
VI	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	69.470	44.057	109.780	158,0	112,5
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	69.470	44.057	109.780	158,0	112,5
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					



UBND XÃ SƠN TỊNH

Mẫu biểu số 04

LÌNH HÌNH SỬ DỤNG CÁC KHOẢN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH CẤP XÃ 9 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 535/BC-UBND ngày 09/10/2026 của UBND xã Sơn Tịnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Số bổ sung	Số đã rút	Số chưa rút	QĐ của UBND tỉnh	QĐ phân bổ của UBND xã	Đơn vị	Số tiền phân bổ	Còn lại chưa phân bổ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Tổng cộng	146.520	139.067	7.453				139.067	7.453
I	Bổ sung theo dự toán giao đầu năm	69.447	69.447	0				69.447	0
1	Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa	538	538	0	Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh	Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã	Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã; Phòng Kinh tế	538	0
2	Kinh phí thực hiện chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi	607	607	0	Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh	Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	607	0
3	Kinh phí thực hiện hỗ trợ, bồi dưỡng, trợ cấp và các mức chi khác đảm bảo điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh	1.106	1.106	0	Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh	Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã	Văn phòng HĐND và UBND xã (UBND xã)	1.106	0
4	Kinh phí hỗ trợ đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	828	828	0	Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh	Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	828	0
5	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Bộ phận một cửa	77	77	0	Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh	Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	77	0

TT	Nội dung	Số bổ sung	Số đã rút	Số chưa rút	QĐ của UBND tỉnh	QĐ phân bổ của UBND xã	Đơn vị	Số tiền phân bổ	Còn lại chưa phân bổ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
6	Kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng	135	135	0	Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh	Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	135	0
7	Kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân	10	10	0	Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh	Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã	10	0
8	Kinh phí thù lao chi trả chính sách BTXH	139	139	0	Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh	Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	139	0
9	Kinh phí trợ cấp thanh niên xung phong theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011	39	39	0	Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh	Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	39	0
10	Kinh phí trợ cấp mai táng phí người có công	281	281	0	Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh	Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	281	0
11	Kinh phí hỗ trợ bảo đảm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở	50	50	0	Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh	Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã	Văn phòng HĐND và UBND xã (UBND xã)	50	0
12	Kinh phí đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn và mức khoán kinh phí hoạt động	4.767	4.767	0	Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh	Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã	Các cơ quan, đơn vị	4.767	0

TT	Nội dung	Số bổ sung	Số đã rút	Số chưa rút	QĐ của UBND tỉnh	QĐ phân bổ của UBND xã	Đơn vị	Số tiền phân bổ	Còn lại chưa phân bổ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
13	Kinh phí hỗ trợ tham gia đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh	100	100	0	Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh	Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã	Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã	100	0
14	Kinh phí hỗ trợ chế độ chi tiêu hoạt động của đảng ủy xã theo Quyết định số 42-QĐ/TU ngày 02/10/2025 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi	50	50	0	Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh	Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã	Văn phòng Đảng ủy xã	50	0
15	Kinh phí chuyên trách CNTT theo Nghị định số 179/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025	60	60	0	Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh	Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	60	0
16	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng	60.391	60.391	0	Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh	Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	60.391	0
17	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	269	269	0	Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh	Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã	Các Trường MN, TH, THCS	269	0
II	Bổ sung trong quá trình thực hiện dự toán	77.073	69.620	7.453			-	69.620	7.453
1	Kinh phí tặng quà nhân dịp Tết cổ truyền và ngày Thương binh - liệt sĩ (27/7)	2.155	2.155	0	Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh	Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 21/01/2026 của UBND xã	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, Phòng Văn hóa - Xã hội xã, Công an xã	2.155	0

TT	Nội dung	Số bổ sung	Số đã rút	Số chưa rút	QĐ của UBND tỉnh	QĐ phân bổ của UBND xã	Đơn vị	Số tiền phân bổ	Còn lại chưa phân bổ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	Kinh phí bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031	700	700	0	Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của UBND tỉnh	Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 29/01/2026 của UBND xã	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	700	0
3	Kinh phí các Trạm Y tế, Bệnh xá, Phòng khám đa khoa khu vực (thực hiện nhiệm vụ Trạm Y tế) thuộc Trung tâm Y tế trực thuộc Sở Y tế về thuộc UBND xã quản lý năm 2026	4.439	4.439	0	Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh	Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 của UBND xã	Trạm Y tế xã	4.439	0
4	Kinh phí bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 (đợt 2)	500	500	0	Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 của UBND tỉnh	Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 10/3/2026 của UBND xã	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, Phòng Văn hóa - Xã hội xã, Công an xã	500	0
5	Kinh phí thực hiện một số chính sách giáo dục	3.748	3.748	0	Quyết định 103/QĐ-UBND ngày 08/03/2026 của UBND tỉnh	Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 11/3/2026, 989/QĐ-UBND ngày 22/4/2026 của UBND xã	Phòng Văn hóa - Xã hội xã, các Trường học	3.748	0
6	Kinh phí trợ cấp hưu trí xã hội và hỗ trợ chi phí mai táng theo Nghị định 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ năm 2026	17.622	17.622	0	Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 08/4/2026 của UBND tỉnh	Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 21/4/2026 của UBND xã	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	17.622	0
7	Kinh phí thực hiện mua sắm xe ô tô phục vụ công tác chung xã Sơn Tịnh	946	946	0	Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 09/4/2026 của UBND tỉnh	Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 17/4/2026 của UBND xã	Văn phòng HĐND và UBND xã	946	0

TT	Nội dung	Số bổ sung	Số đã rút	Số chưa rút	QĐ của UBND tỉnh	QĐ phân bổ của UBND xã	Đơn vị	Số tiền phân bổ	Còn lại chưa phân bổ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
8	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 06/2/2026 của HĐND tỉnh	223	223	0	Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 22/4/2026 của UBND tỉnh	Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 06/5/2026 của UBND xã	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã	223	0
9	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP năm 2026	4.474	4.474	0	Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của UBND tỉnh	Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 của UBND xã	Các cơ quan, đơn vị	4.474	0
10	Hỗ trợ cho UBND các xã, phường, đặc khu thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn	2.000	2.000	0	Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 22/5/2026 của UBND tỉnh	Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 01/6/2026 của UBND xã	Phòng Kinh tế xã	2.000	0
11	Kinh phí bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (đợt 3)	1.530	1.530	0	Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND tỉnh	Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 03/6/2026 của UBND xã	Văn Phòng Đảng Ủy, Văn phòng HĐND và UBND xã (Thường trực HĐND xã), Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, Phòng Văn hóa - Xã hội xã, Ban chỉ huy Quân sự xã, Trung Tâm Cung ứng Dịch vụ công xã, Công an xã	1.530	0
12	Kinh phí trợ cấp hằng tháng đối với thanh niên xung phong theo Nghị định số 344/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025	55	55	0	Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 02/6/2026 của UBND tỉnh	Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 16/6/2026 của UBND xã	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	55	0
13	Kinh phí khắc phục thiệt hại do dịch bệnh động vật năm 2025	23.023	23.023	0	Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 16/6/2026 của UBND tỉnh	Quyết định số 1339/QĐ-UBND ngày 18/6/2026 của UBND xã	Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã	23.023	0

TT	Nội dung	Số bổ sung	Số đã rút	Số chưa rút	QĐ của UBND tỉnh	QĐ phân bổ của UBND xã	Đơn vị	Số tiền phân bổ	Còn lại chưa phân bổ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
14	Kinh phí lập Quy hoạch chung ĐTM Sơn Tịnh	616	616	0	Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của UBND tỉnh	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 24/6/2026 của UBND xã	Phòng Kinh tế xã	616	0
15	Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp, hỗ trợ cai nghiện ma túy tự nguyện và công tác tổ chức quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú	4	4	0	Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 03/7/2026 của UBND tỉnh	Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của UBND xã	Công an xã	4	0
16	Kinh phí thực hiện kế hoạch bồi dưỡng năm 2026	1.371	1.371	0	Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 06/7/2026 của UBND tỉnh	Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của UBND xã	Trung tâm Chính trị xã	1.371	0
17	Kinh phí thực hiện chính sách nhà ở cho người có công cách mạng và thân nhân liệt sĩ	1.200	1.200	0	Quyết định số 515/QĐ-UBND ngày 17/7/2026 của UBND tỉnh	Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 31/7/2026 của UBND xã	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	1.200	0
18	Kinh phí thực hiện các chính sách do HĐND tỉnh ban hành	516	516	0	Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 24/7/2026 của UBND tỉnh	Quyết định số 1683/QĐ-UBND ngày 03/8/2026 của UBND xã	Văn phòng HĐND và UBND xã, Phòng Văn hóa - Xã hội xã	516	0
19	Kinh phí sự nghiệp năm 2026 thực hiện Chương trình MTQG phòng, chống ma túy đến năm 2030	150	150	0	Quyết định số 543/QĐ-UBND ngày 28/7/2026 của UBND tỉnh	Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 07/8/2026 của UBND xã	Công an xã	150	0
20	Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng năm 2025 đã chi từ nguồn năm 2026	4.348	4.348	0	Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 06/8/2026 của UBND tỉnh	Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 11/8/2026 của UBND xã	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	4.348	0

TT	Nội dung	Số bổ sung	Số đã rút	Số chưa rút	QĐ của UBND tỉnh	QĐ phân bổ của UBND xã	Đơn vị	Số tiền phân bổ	Còn lại chưa phân bổ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
21	Kinh phí thực hiện một số chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành năm 2026	4.801		4.801	Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND tỉnh				4.801
22	Kinh phí chi thường xuyên, vốn đầu tư thực hiện Chương trình MTQG năm 2026	2.482		2.482	Quyết định số 805/QĐ-UBND ngày 11/9/2026 của UBND tỉnh				2.482
23	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2026	170		170	Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh				170
III	Kinh phí tạm ứng, ứng trước								

Ghi chú: Báo cáo số liệu bao gồm cả từ đầu năm đến kỳ báo cáo

UBND XÃ SƠN TỊNH

Mẫu biểu số 05

KẾT QUẢ KHAN BỔ SỬ DỤNG SỐ TĂNG THU SO VỚI DỰ TOÁN, DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI

(Kèm theo Báo cáo số 535/BC-UBND ngày 09/10/2026 của UBND xã Sơn Tịnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kinh phí
I	Nguồn tăng thu và dự toán chi còn lại	10.302
1	Số tăng thu so với dự toán	9.763
2	Dự toán chi còn lại	539
II	Nội dung chi	10.032
1	Chi trả nợ	
2	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách	
3	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương	6.979
4	Chi đầu tư một số dự án quan trọng	2.753
5	Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội	300